

# MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

**Tên chương trình đào tạo:** Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước

**Trình độ đào tạo:** Đại học hệ chính quy

**Ngành đào tạo:**

+ Tên tiếng Việt: Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước

+ Tên tiếng Anh: Building up the Party and State Government

**Mã ngành đào tạo:** 7310202

**Loại hình đào tạo:** Chính quy

**Đơn vị cấp bằng:** Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

**Khoa phụ trách:** Khoa Chính trị học

**Tên gọi văn bằng:**

+ Tên tiếng Việt: Cử nhân Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước

+ Tên tiếng Anh: Bachelor of Party and State Government Construction

**Các chương trình đã đối sánh:**

+ Chương trình đào tạo Cử nhân Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước của Học viện Hành chính ( Tổ chức cán bộ)

+ Chương trình đào tạo Cử nhân Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước của Học viện chính Báo chí và tuyên truyền

**Thời gian đào tạo:** 3 - 4 năm (tối đa 6 năm)

**Ngày phát hành, chỉnh sửa chương trình đào tạo:** tháng 08/2023

**Nơi phát hành:** Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

## 2. Mục tiêu chương trình đào tạo

### 2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước nhằm đào tạo ra đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác Đảng, chính quyền nhà nước có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có hiểu biết chuyên sâu về đường lối, chủ trương, phương hướng và hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam, của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Việt Nam; có kiến thức, tư duy nền tảng về hệ thống chính trị, bộ máy nhà nước Việt Nam; có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; có khả năng phát triển lên trình độ cao hơn về lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp.

## **2.2. Mục tiêu cụ thể**

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xã hội học đại cương, tâm lý học đại cương, nghiệp vụ Đoàn, Hội, Đội, Khoa học quản lý,... đồng thời am hiểu các khoa học xã hội và nhân văn.

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính trị học, Nhà nước và pháp luật, có khả năng vận dụng vào công việc liên quan đến chuyên ngành được đào tạo.

- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về các hoạt động xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức), công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; nghiệp vụ công tác tổ chức và cán bộ, Đảng lãnh đạo các lĩnh vực xã hội, công tác dân vận của Đảng, công tác văn phòng cấp ủy... Trang bị cho người học những kiến thức về xây dựng Chính quyền nhà nước: Quản lý hành chính nhà nước, Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước, Tổ chức nhân sự nhà nước, Tổ chức và điều hành công sở, Quản lý nhà nước về dịch vụ công,...

- Có kỹ năng và năng lực tư duy lý luận về chính trị, kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, kỹ năng nghiên cứu, phân tích những vấn đề về Khoa học lãnh đạo, Nhà nước và pháp luật, kỹ năng Đoàn, Hội, Đội...

- Có kỹ năng tìm kiếm và cập nhật kiến thức, thực tiễn xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau, kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề liên quan đến lĩnh vực xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, kỹ năng xây dựng, phân tích, thực hành và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình kinh tế - chính trị - xã hội, đánh giá tác động của đường lối, chính sách đến đời sống xã hội.

- Kỹ năng khác: làm việc nhóm, giao tiếp, giao tiếp bằng ngoại ngữ, sử dụng công nghệ thông tin phục vụ công việc chuyên môn...

## **3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

### **3.1. Mục tiêu kiến thức**

**PO1 (CĐR1):** Hiểu được những hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những kiến thức cơ bản, cần thiết về khoa học xã hội và nhân văn.

**PO2 (CĐR2):** Phân tích được những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã

hội, về công tác xây dựng Đảng, các mặt công tác của Đảng, công tác quản lý hành chính nhà nước và cải cách hành chính nhà nước.

**PO3 (CĐR3):** Áp dụng được nghiệp vụ công tác Đảng, nghiệp vụ hành chính văn phòng và nghiệp vụ công tác đoàn thể trong học tập và công tác.

**PO4 (CĐR4):** Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong học tập và nghiên cứu.

### **3.2. Mục tiêu kỹ năng**

**PO5 (CĐR5):** Có kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc giải quyết những vấn đề, xử lý tình huống đặt ra trong công tác chuyên môn.

**PO6 (CĐR6):** Có kỹ năng tham mưu, xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình công tác trong công tác Đảng, công tác quản lý nhà nước.

**PO7 (CĐR7):** Có phương pháp, kỹ năng tổ chức, điều hành hội nghị và tổ chức các hoạt động của Đảng, chính quyền và các đoàn thể.

**PO8 (CĐR8):** Có kỹ năng và hình thành tư duy của người lãnh đạo, quản lý, kỹ năng nắm bắt, phân tích, đánh giá, phản biện có hiệu quả các vấn đề đặt ra trong thực tiễn xây dựng Đảng, Chính quyền nhà nước và đoàn thể các cấp.

**PO9 (CĐR9):** Có hệ thống cơ bản các kỹ năng mềm như: Giao tiếp, thuyết trình trước công chúng, làm việc nhóm...

**PO10 (CĐR10):** Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh (tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT)

**PO11 (CĐR11):** Có kiến thức đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT)

### **2.3. Mục tiêu tự chủ và trách nhiệm**

**PO12 (CĐR12):** Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**PO13 (CĐR13):** Năng lực tư duy, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

**PO14 (CĐR14):** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**PO15 (CĐR15):** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.

**PO16 (CĐR16):** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

### **3.4. Mục tiêu về thái độ**

**PO17 (CĐR17):** Trung thành chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lập

trường tư tưởng chính trị vững vàng, không hoang mang, dao động trước những luận điệu tuyên truyền xuyên tạc của các thế lực thù địch, kiên quyết bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ Đảng, Nhà nước và chế độ. Tích cực tham gia xây dựng và thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có dũng khí đấu tranh chống các biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội, quan liêu, tham nhũng và những biểu hiện tiêu cực khác.

#### 4. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ, công chức trong các cơ quan tham mưu của Đảng Cộng sản Việt Nam ở các cấp: Ban tổ chức, Ban tuyên giáo, Ủy ban kiểm tra, Ban dân vận, Văn phòng cấp ủy.

- Viên chức trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp: các Học viện trực thuộc Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; các Học viện, trường đại học, trường bồi dưỡng cán bộ trực thuộc các Bộ, Ban, ngành; các trường chính trị tỉnh, các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện.

- Công chức, chuyên viên trong các cơ quan quản lý nhà nước ở các cấp: Văn phòng Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; Phòng nội vụ - Lao động, thương binh và xã hội; phòng giáo dục và đào tạo; phòng văn hóa, thông tin và thể dục thể thao; tư pháp, hộ tịch.

- Cán bộ, công chức làm việc tại các cơ quan của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội nông dân, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội phụ nữ từ Trung ương tới cơ sở.

- Cán bộ, công chức, chuyên viên làm công tác tổ chức, cán bộ, hành chính, văn phòng, làm công tác đảng, công tác chính trị trong lực lượng vũ trang.

- Cán bộ, công chức, chuyên viên làm công tác nghiên cứu về xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước trong các viện nghiên cứu, trung tâm nghiên cứu trực thuộc các Bộ, Ban, ngành.

- Nhân viên làm công tác Đảng, công tác nhân sự trong các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội, tổ chức quốc tế.

#### 5. Mức độ đạt được của chuẩn đầu ra

Mã hóa	Chuẩn đầu ra	Mức độ
<b>PLO01</b>	Hiểu và nắm vững hệ thống kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, chính sách, pháp luật của Nhà nước; những kiến thức cơ bản, cần thiết về khoa học xã hội và nhân văn.	3/6

<b>PLO02</b>	Nắm vững những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, về công tác xây dựng Đảng, các mặt công tác của Đảng, công tác quản lý hành chính nhà nước và cải cách hành chính nhà nước.	4/6
<b>PLO03</b>	Vững vàng về nghiệp vụ công tác Đảng, nghiệp vụ hành chính văn phòng và nghiệp vụ công tác đoàn thể.	4/6
<b>PLO04</b>	Vận dụng được phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội nhân văn trong học tập và nghiên cứu.	4/6
<b>PLO05</b>	Có kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học vào việc giải quyết những vấn đề, xử lý tình huống đặt ra trong công tác chuyên môn.	4/5
<b>PLO06</b>	Có kỹ năng cơ bản trong công tác tham mưu, xây dựng và thực hiện kế hoạch, chương trình công tác trong công tác Đảng, công tác quản lý nhà nước.	4/5
<b>PLO07</b>	Có phương pháp, kỹ năng tổ chức, điều hành hội nghị và tổ chức các hoạt động của Đảng, chính quyền và các đoàn thể.	3/5
<b>PLO08</b>	Hình thành tư duy và kỹ năng cơ bản của người lãnh đạo, quản lý; Kỹ năng nắm bắt, phân tích, đánh giá, phản biện có hiệu quả các vấn đề đặt ra trong thực tiễn xây dựng Đảng, Chính quyền nhà nước và đoàn thể các cấp.	4/5
<b>PLO09</b>	Có hệ thống cơ bản các kỹ năng mềm như: Giao tiếp, thuyết trình trước công chúng, làm việc nhóm...	3/5
<b>PLO10</b>	Đạt chuẩn trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh (tương đương bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT)	3/6
<b>PLO11</b>	Có kiến thức đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT)	3/6
<b>PLO12</b>	Năng lực làm việc độc lập và làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	4/5
<b>PLO13</b>	Năng lực tư duy, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.	4/5

<b>PLO14</b>	Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	4/5
<b>PLO15</b>	Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.	4/5
<b>PLO16</b>	Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.	4/5

## 6. Khối lượng kiến thức toàn khoá:

Chương trình đào tạo toàn khóa là 120 tín chỉ, trong đó 102 tín chỉ bắt buộc, 18 tín chỉ tự chọn, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục quốc phòng an ninh (8 tín chỉ).

## 7. Đối tượng tuyển sinh:

Theo Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:

Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo các quy chế, quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

## 9. Phương pháp dạy - học

Nhiều phương pháp được áp dụng trong quá trình đào tạo như:

- Phương pháp thuyết giảng
- Phương pháp bài tập
- Phương pháp làm việc nhóm
- Phương pháp thảo luận
- Phương pháp nghiên cứu tình huống
- Phương pháp thực hành
- Phương pháp pháp vấn
- Phương pháp thực tập tại các cơ sở

## 10. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

## 11. Nội dung chương trình đào tạo

### 11.1. Cấu trúc kiến thức của chương trình đào tạo

STT	Khối lượng học tập	Tổng tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
1	Kiến thức giáo dục đại cương (không kể: Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN)	41	31	10
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm:			
2.1.	Kiến thức cơ sở ngành	33	28	5
2.2	Kiến thức chuyên ngành	28	17	11
2.3	Kiến thức tự chọn	8	6	2
2.4	Thực tập tốt nghiệp	4		4
2.5	Khóa luận tốt nghiệp/môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp	6	3	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>120</b>	<b>85</b>	<b>35</b>

### 11.2. Khối lượng các học phần

#### 11.2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bố TC	
				LT	TH
<i>Học phần kiến thức đại cương bắt buộc</i>			<b>41</b>	<b>31</b>	<b>10</b>
1	CT1101	Triết học Mác-Lênin	3	3	0
2	CT1102	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	2	0
3	CT1103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
4	CT1104	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
5	CT1105	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
6	XH1106	Tâm lý học đại cương	2	2	0
7	XH1107	Xã hội học đại cương	2	2	0
8	XH1108	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1
9	CT1109	Khoa học quản lý	2	2	0

10	CB1110	Thống kê trong khoa học xã hội	2	1	1
11	CT1111	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	2	0
12	CB1112	Tin học đại cương	3	1	2
13	CB1113	Tiếng Anh 1	3	2	1
14	CB1114	Tiếng Anh 2	3	1	2
15	TN1115	Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3	3	0
16	TN1116	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu niên	2	1	1
	<b>Học phần tự chọn</b>		<b>4</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
17	CB1117	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	0
18	CB1118	Vũ Quốc tế	2	0	2
19	CT1119	Mỹ học Mác-Lênin	2	2	0
20	CT1120	Logic học đại cương	2	2	0

*Ghi chú: - Không tính Giáo dục thể chất và Giáo dục QP-AN;*

*- Điểm các học phần tiếng Anh 1, tiếng Anh 2, Tin học đại cương; Giáo dục thể chất, Giáo dục QP- AN không tính vào điểm trung bình học tập.*

### **11.2. Kiến thức cơ sở ngành**

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
<b>Các học phần kiến thức cơ sở ngành bắt buộc</b>			<b>33</b>	<b>28</b>	<b>5</b>
21	L12021	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	3	2	1
22	D12022	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	2	2	0
23	D12023	Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và Xây dựng Đảng Cộng sản	3	3	0
24	D12024	Chính trị học đại cương	2	2	0



25	NN12025	Tổng quan về chính sách công	2	2	0
26	NN12026	Quản lý hành chính nhà nước	3	3	0
27	NN12027	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	2	2	0
28	NN12028	Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước	3	2	1
29	D12029	Chính trị quốc tế	2	2	0
30	D12030	Các đảng chính trị trên thế giới	3	3	0
31	D13031	Công tác văn phòng cấp ủy	3	2	1
32	L12032	Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	3	2	1
33	CB12035-Đ	Tiếng Anh 3	2	1	1
<b>Các học phần kiến thức cơ sở ngành tự chọn</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>
34	CT12034	Kinh tế vĩ mô	2	2	0
35	CT12035	Kinh tế phát triển	2	2	0
36	NN12036	Lễ tân cơ bản	2	2	0
37	TN12025	Kỹ năng truyền thông	2	1	1

### 11.3. Kiến thức chuyên ngành

STT	Mã môn học	Tên học phần	Số TC	Phân bổ TC	
				LT	TH
<b>Các học phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc</b>			<b>28</b>	<b>17</b>	<b>11</b>
38	D13038	Xây dựng Đảng về chính trị	3	3	0
39	D13039	Xây dựng Đảng về tư tưởng	3	3	0
40	D13040	Xây dựng Đảng về tổ chức	3	3	0
41	D13041	Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng	3	2	1
42	D13042	Nghị vụ công tác tổ chức, cán bộ	3	2	1

43	D13043	Xử lý tình huống chính trị	2	1	1
44	NN13037	Tổ chức và điều hành công sở	2	1	1
45	NN13045	Nghiệp vụ hành chính, văn phòng	3	2	1
46	D13046	Thực tập nghiệp vụ công tác Đảng	3	0	3
47	D13047	Thực tập nghiệp vụ công tác quản lý hành chính nhà nước	3	0	3
<b>Các học phần kiến thức chuyên ngành tự chọn</b>			<b>4</b>	<b>3</b>	<b>1</b>
48	Đ15048	Nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng	2	1	1
49	D15049	Đảng lãnh đạo các lĩnh vực xã hội	2	2	0
50	D15050	Công tác dân vận của Đảng	2	2	0
51	NN13039	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	2	0
52	NN13052	Kiểm soát trong quản lý hành chính nhà nước	2	2	0
53	NN15053	Cải cách khu vực công	2	2	0
<b>Học phần Tốt nghiệp</b>					
54	D14054	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4
55	D15055	Khoá luận tốt nghiệp/môn học thay thế khoá luận tốt nghiệp	6	3	3

### 11.3. Kế hoạch đào tạo theo năm

#### *Năm thứ nhất*

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Triết học	3	0	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0
2	Kinh tế chính trị	2	0	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0
3	Khởi nghiệp trong thanh niên	2	0	Khoa học quản lý	2	0
4	Tin học đại cương	1	2	Thống kê trong khoa học xã hội	1	1
5	Tâm lý học đại cương	2	0	Chính trị học đại cương	2	0
6	Xã hội học đại cương	2	0	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	0
7				Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu niên	3	0
		<b>Tổng</b>			<b>Tổng</b>	
		<b>14</b>			<b>15</b>	

#### *Năm thứ hai*

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	0	Quản lý hành chính nhà nước	3	0
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	1	1	Học thuyết Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và xây dựng Đảng	3	0
3	Kỹ năng tổ chức các hoạt động thanh thiếu nhi	1	1	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị	2	0
4	Vũ quốc tế	0	2	Lý luận nhà nước và pháp luật	2	1
5	Tổng quan về chính sách công	2	0	Tiếng Anh 2	1	2
6	Các đảng chính trị trên thế giới	3	0	Chính trị quốc tế	2	
7	Tiếng Anh 1	2	1	Thực tập nghiệp vụ công tác Đảng		3
		<b>Tổng</b>			<b>Tổng</b>	
		<b>16</b>			<b>19</b>	

**Năm thứ ba**

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	2	1	Xây dựng Đảng về tổ chức	3	0
2	Kỹ năng truyền thông	1	1	Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng	3	0
3	Lễ tân cơ bản	2	0	Công tác văn phòng cấp ủy	2	1
4	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	2	0	Tổ chức và điều hành công sở	1	1
5	Xây dựng Đảng về chính trị	3	0	Xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước	2	1
6	Xây dựng Đảng về tư tưởng	3	0	Thực tập nghiệp vụ công tác quản lý hành chính nhà nước		3
7	Tiếng Anh 3	1	1			
		<b>Tổng</b>			<b>Tổng</b>	
		<b>17</b>			<b>17</b>	

**Năm thứ tư**

TT	Học kỳ 1	TC		Học kỳ 2	TC	
		LT	TH		LT	TH
1	Nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ	2	1	Thực tập tốt nghiệp	0	4
2	Nghiệp vụ hành chính, văn phòng	2	1	Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn học thay thế khóa luận tốt nghiệp:		
3	Nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng	1	1	Đảng lãnh đạo các lĩnh vực xã hội	2	0
4	Quản lý nhà nước về kinh tế	2	0	Công tác dân vận của Đảng	2	0
5	Xử lý tình huống chính trị	1	1	Cải cách khu vực công	2	0
		<b>Tổng</b>			<b>Tổng</b>	
		<b>12</b>			<b>10</b>	

## 12. Mô tả nội dung các học phần trong chương trình đào tạo

STT	Học phần	Mô tả tóm tắt học phần
1	<b>Triết học Mác-Lênin</b>	Triết học Mác - Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng; Chủ nghĩa duy vật lịch sử. Sau khi kết thúc học phần, người học nắm vững lý luận triết học Mác - Lênin; xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan cách mạng, hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.
2	<b>Kinh tế chính trị Mác - Lênin</b>	Kinh tế chính trị Mác-Lênin là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin; Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
3	<b>Chủ nghĩa xã hội khoa học</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội - giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4	<b>Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam</b>	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).
5	<b>Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.
6	<b>Tâm lý học đại cương</b>	Tâm lý học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức khoa học về bản chất, cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người; Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý; Khái quát sự hình thành và phát triển tâm lý người; Các tri thức cơ bản về các quá trình nhận thức, trí nhớ, tình cảm, ý chí của con người; Nhân cách và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển nhân cách con người.
7	<b>Xã hội học đại cương</b>	Xã hội học đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội học đại cương: Chương 1,

		những vấn đề chung về xã hội học gồm đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của xã hội học và mối quan hệ giữa xã hội học với các môn học khác, sự ra đời và phát triển của xã hội học, các khái niệm hành về động xã hội, tương tác xã hội, cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội và xã hội hóa; Chương 2, cung cấp cho sinh viên các phương pháp nghiên cứu và các bước tiến hành một cuộc điều tra xã hội học; Chương 3 môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt đó là xã hội học thanh niên và xã hội học về dư luận xã hội.
8	<b>Phương pháp nghiên cứu khoa học</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về về nghiên cứu khoa học: Làm rõ các khái niệm liên quan đến các sự vật, hiện tượng mà mình quan tâm; Phán đoán về mối liên hệ giữa các sự vật và hiện tượng; Tư duy nghiên cứu khoa học là tư duy hệ thống; Trình tự logic của nghiên cứu khoa học; Các phương pháp cơ bản để thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học, nhất là khóa luận tốt nghiệp; Đạo đức khoa học.
9	<b>Khoa học quản lý</b>	Khoa học quản lý là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về khoa học quản lý như cơ sở hình thành hoạt động quản lý và ngành khoa học quản lý; các quan niệm, vai trò và các yếu tố cấu thành của một hệ thống quản lý, các nhân tố tác động đến hiệu quả quản lý tổ chức, các đặc điểm của khoa học quản lý; Các lịch sử tư tưởng và lý thuyết quản lý từ phương Đông, phương Tây thời kỳ cổ đại, trung đại và hiện đại; Học phần mô tả các hoạt động trong hệ thống quản lý bao gồm lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo điều hành, quản lý nhân lực, kiểm soát. Các nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý; Phân tích và thiết kế tổ chức; Thông tin trong quản lý; Quyết định quản lý và nhà lãnh đạo trong quản lý tổ chức. Từ đó hình thành thái độ đúng khi trở thành thành viên trong các tổ chức, có những hành vi, ứng xử phù hợp khi quản lý là tất yếu của tổ chức.

10	<b>Thông kê trong khoa học xã hội</b>	<p>Thông kê trong khoa học xã hội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về lý thuyết thống kê, các ứng dụng của thống kê; phương pháp thống kê mô tả và thống kê suy diễn; các kiến thức sử dụng phần mềm thống kê; ứng dụng kiến thức lý thuyết đã học trong thực hành bằng phần mềm thống kê. Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên vận dụng được phương pháp chọn lọc, xây dựng các bảng dữ liệu thống kê từ các nguồn khác nhau; giải thích được các số liệu và kết quả xử lý thống kê trong nghiên cứu; ứng dụng được tối thiểu một phần mềm thống kê trong xử lý dữ liệu nghiên cứu thực tế.</p>
11	<b>Khởi nghiệp trong thanh niên</b>	<p>Khởi nghiệp trong thanh niên là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề phương pháp luận và phương pháp cụ thể về quá trình khởi nghiệp trong thanh niên. Các vấn đề lý luận về khởi nghiệp trong thanh niên tập trung vào các con đường mưu sinh cơ bản như: làm chủ, đầu tư, thực hiện kinh doanh theo hình thức nền kinh tế chia sẻ... Đồng thời, với quan điểm khởi nghiệp sáng tạo, thì khởi nghiệp trong thanh niên cũng có thể hiểu là tạo ra những sản phẩm đột phá, sử dụng những công nghệ mới, xây dựng các mô hình kinh doanh mới nhằm khơi gợi các giá trị tiềm ẩn và có thể lặp lại được, mở rộng. Vì vậy, mục tiêu kiến thức của học phần là giúp sinh viên xây dựng những lý luận cơ bản cho thanh niên bắt đầu các hoạt động khởi nghiệp theo các cách khởi nghiệp truyền thống. Đồng thời giúp sinh viên hiểu được những vấn đề cốt lõi trong việc lựa chọn ý tưởng khởi nghiệp, lập dự án khởi nghiệp trong thanh niên và điều hành dự án khởi nghiệp trong thanh niên.</p>
12	<b>Lý luận và phương pháp công tác thanh</b>	<p>Lý luận và phương pháp công tác thanh thiếu nhi học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác thanh thiếu nhi. Môn học bao gồm 5 chương, cụ thể: Chương 1: Nhập môn Những vấn đề cơ bản về</p>



	<b>thiếu nhi</b>	Đoàn, Hội, Đội; Chương 2: Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về thanh niên và công tác thanh niên; Chương 3: Những vấn đề cơ bản về Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Chương 4: Những vấn đề cơ bản về Hội LHTN Việt Nam và Hội Sinh viên Việt Nam; Chương 5: Những vấn đề cơ bản về Đội TNTP Hồ Chí Minh.
13	<b>Nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội, Đội</b>	Nghiệp vụ công tác Đoàn, Hội, Đội là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về những vấn đề cơ bản về: Nghiệp vụ công tác giáo dục, nghiệp vụ công tác tổ chức, nghiệp vụ công tác kiểm tra, giám sát, nghiệp vụ công tác văn phòng của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Nghiệp vụ công tác đoàn kết, tập hợp thanh niên; Nghiệp vụ công tác thiếu nhi. Qua đó, cung cấp kiến thức cơ bản, hình thành kỹ năng và thái độ phù hợp cho sinh viên, vận dụng vào chuyên ngành học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.
14	<b>Tin học đại cương</b>	Tin học đại cương là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về thông tin, dữ liệu, phần mềm, hệ điều hành Windows, kiến trúc máy tính; kiến thức cơ bản về Internet, cách phân biệt hệ thống mạng, chia sẻ tài nguyên mạng và khai thác thông tin, tài nguyên trên mạng nhằm mục đích tự trang bị cho bản thân phương pháp học tập công nghệ mới; các kỹ năng cơ bản trong việc thao tác, sử dụng một số phần mềm thông dụng như Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint.
15	<b>Tiếng Anh 1</b>	Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và thông dụng nhất về ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng, văn bản và giao tiếp tiếng Anh. Môn học không đi sâu mô tả và phân tích các yếu tố ngôn ngữ và văn hóa mà thông qua bài học giúp sinh viên hiểu và vận dụng được những yếu tố văn học, ngôn ngữ thông dụng nhất để phát triển kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong các tình huống

		thông dụng, phù hợp và linh hoạt trong từng ngữ cảnh cụ thể. Đồng thời môn học cũng giúp sinh viên phát triển kỹ năng đọc hiểu và viết cơ bản.
16	<b>Tiếng Anh 2</b>	Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương. Trên cơ sở kế thừa và phát triển một cách có hệ thống những kiến thức tiếng Anh mà sinh viên đã học ở học phần Tiếng Anh 1, học phần Tiếng Anh 2 bổ sung, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp đã học trong học phần trước, tiếp tục giới thiệu các cấu trúc ngữ pháp mới và tăng cường vốn từ vựng với mức độ cao hơn nhằm vào các mục tiêu giúp sinh viên sử dụng Tiếng Anh chính xác và lưu loát, nâng cao khả năng lĩnh hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp phức tạp hơn.
17	<b>Cơ sở văn hoá Việt Nam</b>	Cơ sở văn hoá Việt Nam là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về cơ sở hình thành và phát triển của nền văn hóa Việt Nam. Môn học được chia làm 4 nội dung lớn, sắp xếp theo một trình tự logic, phù hợp với phát triển tư duy của người học. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức liên quan đến: Các khái niệm cơ bản (Khái niệm văn hóa, văn minh, môi trường tự nhiên, xã hội, tiếp xúc và giao lưu văn hóa); Cấu trúc, thiết chế và chức năng của văn hóa ( các hình thái và mô hình văn hóa, những thành tố của văn hóa, chức năng và cấu trúc của văn hóa); Diễn trình lịch sử của văn hóa Việt Nam ( từ thời tiền sử đến nay); Không gian văn hóa Việt Nam (các vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc, đồng bằng Bắc bộ, Trung bộ, Tây Nguyên, Nam bộ).
18	<b>Vũ Quốc tế</b>	Vũ quốc tế là học phần tự chọn trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn khiêu vũ. Cụ thể, học phần hướng dẫn người học những kỹ thuật cơ bản được quốc tế hóa của một số điệu nhảy: Ba cha ta, SamBa, Rumba, ChaChaCha, Slow waltz, Tango và một số điệu nhảy khiêu vũ tập thể (Macarena, Bachata,...). Bên cạnh đó, học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp văn hóa nghệ thuật, nâng cao năng lực thẩm mỹ cho sinh viên.

19	<b>Kỹ năng giao tiếp</b>	
20	<b>Logic học đại cương</b>	Trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hiện đại về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp tư duy đúng đắn của logic học đại cương và vận dụng chúng vào hoạt động thực tiễn.
21	<b>Chính trị học đại cương</b>	Trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam
22	<b>Học thuyết Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng và Xây dựng Đảng Cộng sản</b>	<p>Trình bày các nguyên lý chung về Đảng và xây dựng Đảng cộng sản. Khẳng định tính đúng đắn của các nguyên lý về Đảng và xây dựng Đảng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo vệ sự trong sáng của lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, chống lại sự xuyên tạc của các thế lực thù địch. Đồng thời bổ sung lý luận về Đảng và xây dựng Đảng cộng sản trong thời kỳ mới.</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung sau: C. Mác - Ph. Ăngghen và xây dựng chính đảng độc lập của giai cấp công nhân; Lênin về xây dựng Đảng vô sản kiểu mới.; Hồ Chí Minh sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam; Bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng.</p>
23	<b>Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị</b>	Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nội dung và phương thức Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo hệ thống chính trị. Cụ thể, Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền XHCN

		Việt Nam, Đảng lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội. Bên cạnh đó học phần làm sâu sắc nội dung và phương thức Đảng lãnh đạo Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và hệ thống chính trị cấp cơ sở.
24	<b>Quản lý hành chính nhà nước</b>	Nghiên cứu một số vấn đề chung về quản lý hành chính nhà nước như: Khái niệm quản lý hành chính nhà nước, nền hành chính nhà nước; Công cụ, hình thức và phương pháp trong quản lý hành chính nhà nước; Các chức năng quản lý hành chính nhà nước; Các yếu tố cấu thành nền hành chính nhà nước như thiết chế hành chính, thể chế hành chính, nhân sự trong hệ thống hành chính nhà nước; Vấn đề cải cách nền hành chính nhà nước và quản lý nhà nước đối với một số lĩnh vực kinh tế, giáo dục - đào tạo, y tế; Quản lý nhà nước về văn hoá và tôn giáo; Quản lý nhà nước về an ninh quốc phòng.
25	<b>Chính trị quốc tế</b>	<p>- <i>Phần thứ nhất</i>: Nhập môn chính trị học quốc tế;</p> <p>- <i>Phần thứ hai</i>: Nền chính trị quốc tế đương đại.</p> <p>Trong đó, những đường nét chính yếu nhất của chính trị quốc tế với tư cách là quá trình nhận thức và quá trình hiện thực được trình bày rõ ràng với những nét cơ bản, khái quát. Những nội dung cơ bản của hiện thực chính trị quốc gia đương đại như vấn đề toàn cầu hóa, xung đột và giải quyết xung đột, các vấn đề kinh tế, môi trường, di cư, an ninh năng lượng, nhân quyền... cũng được trình bày và phân tích cụ thể dưới góc nhìn chính trị.</p> <p>Với kết cấu hợp lý, ngôn ngữ dễ hiểu, khoa học, cuốn sách phù hợp với đông đảo bạn đọc, từ những người quan tâm tìm hiểu cho đến những người đang học tập, nghiên cứu, hoạt động trong lĩnh vực chính trị nói chung và chính trị quốc tế nói riêng.</p>
25	<b>Tổ chức bộ máy</b>	Môn học giới thiệu và trang bị kiến thức chung về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước trong

	<b>hành chính nhà nước</b>	tổng thể bộ máy nhà nước. Cung cấp kiến thức về cấu trúc, chức năng, hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước ở trung ương cũng như tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở địa phương, Trên cơ sở đó vận dụng vào các quy định pháp lý hiện hành quy định về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay để hiểu cách vận hành của các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước từ Trung ương đến địa phương, góp phần xây dựng bộ máy quản lý khoa học, chuyên nghiệp, hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động của quản lý hành chính nhà nước.
26	<b>Tổng quan về chính sách công</b>	Tổng quan về Chính sách công là môn học nghiên cứu ý chí chính trị của nhà nước được thể hiện bằng một tập hợp các quyết định có liên quan với nhau, bao hàm trong đó định hướng mục tiêu và cách thức giải quyết những vấn đề công trong xã hội.
27	<b>Các đảng chính trị trên thế giới</b>	Nội dung học phần gồm: khái niệm, đặc điểm, quá trình hình thành và điều kiện để đảng chính trị trở thành đảng cầm quyền; tổ chức và hoạt động của một số đảng chính trị trên thế giới ở Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ai len, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Cộng hòa Pháp, Liên bang Nga, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa Singapore.
28	<b>Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật</b>	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức cơ sở khối ngành, học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức: Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, hình thức của nhà nước và pháp luật; Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước; các khái niệm, hiện tượng pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, vi phạm pháp luật, ý thức pháp luật, thực hiện pháp luật, giải thích pháp luật, điều chỉnh pháp luật...
29	<b>Một số ngành luật trong hệ</b>	Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam là học phần tổng quan về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay như: Luật dân sự, hình sự, hôn nhân và gia đình,

	<b>thông pháp luật Việt Nam</b>	luật đất đai,... Cung cấp những kiến thức tổng quan, cơ bản nhất về các ngành luật này.
30	<b>Kinh tế phát triển</b>	Kinh tế phát triển là một môn học kinh tế mang tính chuyên biệt chuyên nghiên cứu về các vấn đề tăng trưởng và phát triển. Kinh tế phát triển đi tìm các phương thức để đưa một nền kinh tế kém phát triển thành một nền kinh tế thịnh vượng.
31	<b>Kỹ năng truyền thông</b>	Học phần kỹ năng truyền thông là học phần truyền tải, lan tỏa, tương tác các thông tin giữa 2 hay nhiều người với nhau. Nhờ vào những kỹ năng này, sinh viên có thể dễ dàng mang đến những thông tin, giá trị tri thức, thông điệp,... nào đó đến cho mọi người, từ đó thúc đẩy sự thay đổi về tư duy, hành vi của họ.
32	<b>Lễ tân cơ bản</b>	Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về lễ tân cơ bản, vai trò, nội dung của công tác lễ tân. Sinh viên có thể áp dụng những kiến thức đã học về lễ tân nhà nước để bước đầu nhìn nhận, đánh giá về lễ tân nhà nước Việt Nam hiện nay. Từ đó, sinh viên có được những tiền đề cần thiết để vận dụng kiến thức lĩnh hội được vào quá trình công tác sau này tại các cơ quan, tổ chức nhà nước. Giúp sinh viên đánh giá được tầm quan trọng của các nội dung liên quan đến lễ tân nhà nước. Thông qua môn học, sinh viên có thái độ tích cực, chủ động nghiên cứu, học hỏi, thực hành để thực hiện đúng với những quy định chung về vị trí công tác sau khi tốt nghiệp.
33	<b>Xây dựng Đảng về chính trị</b>	Cung cấp cho sinh viên lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về chính trị và xây dựng Đảng về chính trị. Đồng thời giúp họ nắm vững cơ sở, căn cứ, điều kiện, nội dung, quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng. Học phần bao gồm các nội dung sau: Vị trí, tầm quan trọng của xây dựng Đảng về chính trị.; Cương lĩnh và Điều lệ Đảng; Quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện nghị quyết Đảng.

34	<b>Xây dựng Đảng về tư tưởng</b>	<p>Cung cấp cho sinh viên các nguyên lý, nguyên tắc của Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta về tư tưởng và xây dựng Đảng về tư tưởng. Đồng thời giúp họ nắm vững nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng Đảng về tư tưởng của Đảng ta hiện nay.</p> <p>Học phần bao gồm các nội dung sau: Vị trí, tầm quan trọng xây dựng Đảng về tư tưởng; Quan điểm Chủ nghĩa Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng về tư tưởng; Nội dung, hình thức, phương pháp xây dựng Đảng về tư tưởng.</p>
35	<b>Xây dựng Đảng về tổ chức</b>	<p>Cung cấp kiến thức cơ bản về chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động của tổ chức cơ sở đảng; quan điểm, nội dung, phương pháp xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên; phương thức lãnh đạo của Đảng; phong cách làm việc của cán bộ lãnh đạo, quản lý đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ của cách mạng.</p>
36	<b>Công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng</b>	<p>Nội dung học phần gồm: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về kiểm tra, giám sát và khen thưởng, kỷ luật đảng; khái niệm, vị trí, vai trò công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, của cấp ủy đảng, của ủy ban kiểm tra các cấp; nội dung, phương pháp, hình thức kiểm tra, giám sát; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong tổ chức đảng; thẩm quyền thi hành kỷ luật đảng.</p>
37	<b>Công tác văn phòng cấp ủy</b>	<p>Học phần trình bày và phân tích những kiến thức cơ bản về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy văn phòng cấp ủy; Xây dựng chương trình công tác cấp ủy; Công tác thông tin phục vụ cấp ủy; Công tác phục vụ các kỳ họp cấp ủy; Công tác văn bản của đảng; Công tác văn thư và lưu trữ của Đảng. Tìm ra những vấn đề trọng yếu trong công tác văn phòng cấp ủy Đảng để truyền đạt tới người học những kiến thức lý luận và thực tiễn về công tác. Qua đó giúp người học củng cố vững chắc nền tảng kiến thức nghiệp vụ công tác Đảng để</p>

		ứng dụng vào quá trình thực tế, thực tập nghề nghiệp cũng như công việc sau khi ra trường.
38	<b>Nghiệp vụ công tác tổ chức, cán bộ</b>	Cung cấp kiến thức cơ bản về nghiệp vụ công tác tổ chức như: nghiệp vụ công tác đảng viên, công tác kết nạp đảng viên, công tác tổ chức bộ máy của đảng, công tác sinh hoạt đảng,...và nghiệp vụ công tác cán bộ như: công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ,...
39	<b>Nghiệp vụ hành chính, văn phòng</b>	Học phần cung cấp những kiến thức thực tế cho sinh viên về công tác quản trị hành chính văn phòng trong một tổ chức cụ thể như quản lý hồ sơ, sắp xếp bố trí công việc, lên kế hoạch thực hiện công việc, soạn thảo văn bản hành chính, xây dựng các biểu mẫu, công tác thư ký giúp việc cho lãnh đạo... Người học có khả năng thực hiện được những công việc cụ thể trong tổ chức Qua môn học này, sinh viên có thể ứng dụng vào thực tế công việc để thực hiện chuẩn mực các qui định về nhận văn bản đến, quản lý văn bản đi, quản lý con dấu, công tác văn thư, tổ chức công tác lễ tân. Có khả năng đưa ra ý kiến, nhận xét của cá nhân, phát hiện lỗi về nghiệp vụ, qui trình thực hiện công việc hành chính văn phòng tại công sở nhà nước nói chung, một cơ quan, đơn vị cụ thể nói riêng. Có quan điểm đúng về vai trò của nghiệp vụ hành chính văn phòng và người thực hiện. Từ đó có những hành vi đúng pháp luật, đúng đắn, có trách nhiệm cao khi thực hiện nghiệp vụ.
40	<b>Cải cách khu vực công</b>	Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về cải cách khu vực công: Sự cần thiết cải cách khu vực công Cải cách khu vực công ở một số quốc gia trên thế giới; Các nội dung của cải cách khu vực công (cải cách chính quyền trung ương, địa phương; chức năng của chính quyền từ cai trị chuyển sang phục vụ; cải cách doanh nghiệp: cổ phần hóa, tư nhân hóa; sự tham gia của các NGO) Cải cách khu vực công ở Việt Nam; Xã hội hóa dịch vụ công và hợp tác công. Từ đó người học rèn cho mình kỹ năng nhận diện, đánh giá và tác nghiệp cụ thể khi tham gia làm việc trong khu vực công gắn với những vị trí việc làm liên quan đến công tác cải cách trên



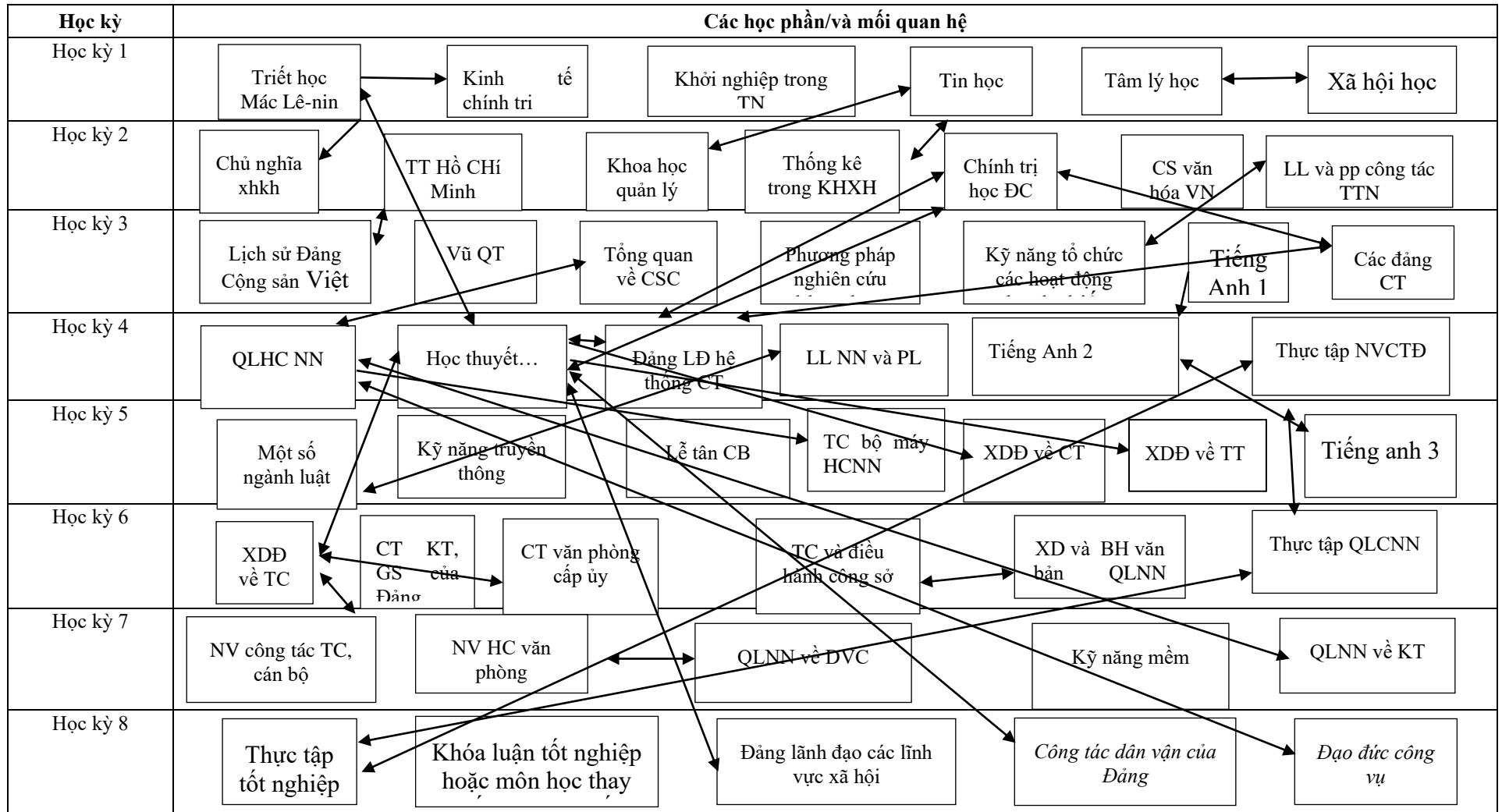
		các lĩnh vực. Môn học góp phần nâng cao nhận thức cho người học về tính tất yếu phải cải cách khu vực công và một tâm thế sẵn sàng khi đối diện với những cải cách, biến đổi của khu vực công
41	<b>Tổ chức và điều hành công sở</b>	Học phần cung cấp những hệ thống lý luận cơ bản về công sở, tổ chức hoạt động, điều hành công sở; Các nội dung cơ bản của tổ chức và điều hành công sở; các phương pháp lãnh đạo, quản lý công sở; định hướng và các biện pháp đổi mới điều hành công sở hiện nay. Sinh viên thành thạo các kỹ năng cơ bản trong tổ chức và điều hành công sở, từ đó có thái độ tích cực, chủ động trong giải quyết các nhiệm vụ khi làm việc trong các công sở
42	<b>Xây dựng và ban hành văn bản Quản lý nhà nước</b>	Sinh viên nắm được những vấn đề lý luận cơ bản và chuyên sâu liên quan đến hoạt động xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Nắm được hệ thống văn bản phục vụ hoạt động quản lý nhà nước, các chủ thể có thẩm quyền trong ban hành văn bản quản lý nhà nước; trình tự, thủ tục ban hành văn bản quản lý nhà nước. Các yêu cầu về thể thức và nội dung của văn bản quản lý nhà nước. Củng cố, nâng cao kỹ năng xây dựng, soạn thảo và ban hành văn bản quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Người học có ý thức đúng đắn khi nhìn nhận, đánh giá về tầm quan trọng của xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước; chủ động vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tế liên quan đến xây dựng và ban hành văn bản quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay.
43	<b>Tiếng Anh 3</b>	Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc trong khối kiến thức giáo dục đại cương, học phần cung cấp cho sinh viên các nội dung kiến thức tiếng Anh chuyên ngành Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước và các kỹ năng ngôn ngữ ở trình độ trung cấp.
44	<b>Thực tập nghiệp vụ công tác</b>	Thực tập nghiệp vụ công tác Đảng là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Đây là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống các cơ sở thực tập để tập làm các công việc của

	<b>Đảng</b>	một người vận dụng kiến thức luật vào các công việc được giao trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về nghề luật để học hỏi, quan sát công việc tại một đơn vị có liên quan đến công tác pháp luật. Thông qua đó tiếp cận với môi trường thực tế để tìm hiểu và lên kế hoạch thực hiện một, một số nhiệm vụ cụ thể, hiểu và vận dụng được các quy định của pháp luật về nghề luật, các quy tắc đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn.
45	<b>Thực tập nghiệp vụ công tác quản lý hành chính nhà nước</b>	Thực tập nghiệp vụ công tác quản lý hành chính nhà nước là học phần bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành. Đây là hình thức tổ chức đưa sinh viên xuống các cơ sở thực tập để tập làm các công việc của một người vận dụng kiến thức luật vào các công việc được giao trong một thời gian nhất định. Trong học phần này, sinh viên sẽ vận dụng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ về nghề luật để học hỏi, quan sát công việc tại một đơn vị có liên quan đến công tác pháp luật. Thông qua đó tiếp cận với môi trường thực tế để tìm hiểu và lên kế hoạch thực hiện một, một số nhiệm vụ cụ thể, hiểu và vận dụng được các quy định của pháp luật về nghề luật, các quy tắc đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn đạo đức, ứng xử của nghề luật đã được học vào thực tiễn.
46	<b>Kỹ năng mềm</b>	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.
47	<b>Đảng lãnh đạo các lĩnh vực xã hội</b>	Đời sống xã hội có rất nhiều lĩnh vực, trong đó có những lĩnh vực trọng yếu gồm: kinh tế, giáo dục đào tạo, văn hóa, khoa học công nghệ, quốc phòng, đối ngoại, báo chí – truyền thông... Môn học Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội tập trung nghiên cứu: Đối tượng,

		nội dung, phương pháp nghiên cứu môn Đảng lãnh đạo các lĩnh vực đời sống xã hội. Đảng lãnh đạo sự nghiệp phát triển kinh tế Đảng lãnh đạo Giáo dục – đào tạo. Đảng lãnh đạo Khoa học – công nghệ. Đảng lãnh đạo sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đảng lãnh đạo hoạt động Đối ngoại. Đảng lãnh đạo Báo chí – truyền thông; Đảng lãnh đạo phát triển Văn hóa - con người.
48	<b>Công tác dân vận của Đảng</b>	Nội dung học phần gồm: những vấn đề cơ bản về công tác dân vận của Đảng (khái niệm, vai trò, nội dung, phương thức công tác dân vận của Đảng; công tác vận động công nhân, nông dân, trí thức, thanh niên, phụ nữ, dân tộc thiểu số, tín đồ chức sắc tôn giáo của Đảng; tổ chức bộ máy của ban dân vận cấp ủy các cấp)
49	<b>Quản lý nhà nước về dịch vụ công</b>	Môn học cung cấp kiến thức liên quan đến Những vấn đề chung về dịch vụ công và vai trò của Nhà nước trong quản lý dịch vụ công. Nội dung quản lý nhà nước về dịch vụ công và xu hướng cải cách. Hình thức, công cụ quản lý dịch vụ công. Chính phủ điện tử và dịch vụ công trực tuyến. Cải cách quản lý dịch vụ công. Học viên rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp trong tổ chức, quản lý cung cấp dịch vụ công. Từ đó nâng cao nhận thức về chức năng cung cấp dịch vụ công, một trong những chức năng cơ bản của quản lý hành chính nhà nước
50	<b>Kiểm soát trong hành chính nhà nước</b>	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kiểm soát và kiểm soát đối với hành chính nhà nước; xác định được các chủ thể tham gia kiểm soát đối với hành chính nhà nước và nội dung của sự kiểm soát đó. Sinh viên có thể áp dụng các kiến thức đã học để bước đầu nhận diện và đánh giá được thực trạng kiểm soát đối với hành chính nhà nước ở Việt Nam, qua đó vận dụng vào thực tiễn công tác chuyên môn sau khi tốt nghiệp. Thông qua môn học sinh viên có thái độ tích cực, chủ động nghiên cứu, học hỏi, thực hành để thực hiện đúng các quy định và trách nhiệm trong kiểm soát hành chính nhà nước.

51	<b>Quản lý nhà nước về kinh tế</b>	Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản của quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường; đối tượng, phương pháp nghiên cứu của quản lý nhà nước về kinh tế; nguyên tắc, phương pháp, công cụ quản lý nhà nước về kinh tế nội dung quản lý nhà nước về kinh tế, nhà nước hoạch định phát triển kinh tế; nhà nước tạo lập môi trường phát triển kinh tế, nhà nước điều hành hoạt động kinh tế. Thông qua môn học sinh viên được trang bị những kỹ năng cơ bản trong quản lý nhà nước về kinh tế, cách thức sử dụng các công cụ điều chỉnh trong điều hành vĩ mô nền kinh tế. Từ đó nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của nền kinh tế trong hoạt động quản lý nhà nước. Có tinh thần, thái độ nghiêm túc, trách nhiệm khi tham gia các công việc chuyên môn gắn với nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế.
----	------------------------------------	--

### 13. Sơ đồ các học phần và mối quan hệ



**Ghi chú:** Môn học có mũi tên xuất phát có nội dung làm nền tảng cho môn học có mũi tên đến. Mũi tên hai chiều thể hiện các môn học có nội dung liên quan, bổ trợ cho nhau.

**14. Ma trận liên kết giữa mục tiêu CTĐT (PLO) và Chuẩn đầu ra (PLO)**

<b>Mục tiêu</b>	<b>PO1</b>	<b>PO2</b>	<b>PO3</b>	<b>PO4</b>	<b>PO5</b>	<b>PO6</b>
<b>Chuẩn đầu ra</b>						
<b>PLO1</b>	X					
<b>PLO2</b>	X	X	X	X	X	X
<b>PLO3</b>		X	X	X	X	X
<b>PLO4</b>		X	X	X	X	X
<b>PLO5</b>		X	X	X	X	X
<b>PLO6</b>		X	X	X		
<b>PLO7</b>		X	X	X	X	
<b>PLO8</b>		X	X	X	X	
<b>PLO9</b>		X	X	X	X	X
<b>PLO10</b>		X	X	X	X	X
<b>PLO11</b>		X	X	X	X	X
<b>PLO12</b>					X	X
<b>PLO13</b>					X	X
<b>PLO14</b>					X	X

<b>PLO15</b>		X	X	X	X	X
<b>PLO16</b>		X	X	X	X	X

- Chỉ ghi mã mục tiêu và chuẩn đầu ra , không ghi nội dung cụ thể và chuẩn đầu ra

**Chú thích:**

- Đánh dấu X vào các ô để thể hiện sự tương thích giữa chuẩn đầu ra của CTĐT và mục tiêu của CTĐT



## PHỤ LỤC 1

## THANG ĐO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC KIẾN THỨC, KỸ NĂNG VÀ MỨC TỰ CHỦ VÀ TRÁCH NHIỆM

<b>Lĩnh vực về nhận thức</b>	Bloom, 1956	- Ghi nhớ (khả năng khôi phục, ghi nhận và nhớ lại kiến thức có liên quan. Hay nói cách khác, ghi nhớ là khi sinh viên có thể nhắc lại các thông tin, kiến thức đã học)	- Hiểu (khả năng diễn đạt ý nghĩa của thông điệp bằng miệng, văn bản hay hình ảnh. Hiểu không chỉ đơn thuần là nhắc lại một thông điệp nào đó. Chúng ta cần thể hiện sự hiểu biết của mình thông qua diễn giải, nêu gương, phân loại, tóm tắt, suy luận, so sánh và giải thích)	- Áp dụng (khả năng vận dụng các thông tin, kiến thức đã học vào một tình huống, thí nghiệm nào đó)	- Phân tích (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với nhau và với một cấu trúc hoặc mục đích tổng thể)	- Đánh giá (khả năng chia thông tin, kiến thức thành các phần nhỏ, sau đó xác định cách các phần nhỏ đó liên quan với một cấu trúc hoặc tổng thể)	- Sáng tạo (khả năng ghép các kiến thức, thông tin đã có lại với nhau để tạo thành một cấu trúc hay định lý mới)
		K1	K2	K3	K4	K5	K6
<b>Lĩnh vực về tâm vận động (kỹ năng)</b>	Dave, 1975	- Bắt chước có quan sát: Quan sát và lặp lại có sự hiện diện của nguồn mẫu	- Làm lại theo cấu trúc nội tâm: Làm được khi được hướng dẫn	- Chính xác hóa hoạt động của cơ bắp: Thể hiện lại một cách chính xác các hoạt động, thao tác mà không có nguồn mẫu	- Hoàn thiện thứ tự các hoạt động: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và được thực hiện một cách nhất quán	- Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới: Hai hoặc nhiều kỹ năng được kết hợp có trình tự và thực hiện nhất quán, dễ dàng. Tự động thể hiện được với ít sự gắng sức về thể chất hoặc tinh thần	
		S1	S2	S3	S4	S5	

<b>Lĩnh vực về cảm xúc</b>	Krathwohl, Bloom & Masia, 1973	Chú ý lắng nghe, quan sát và cảm nhận	- Tiếp nhận hiện tượng: Tham gia vào các hoạt động học tập một cách tích cực thông qua trao đổi, giao tiếp, báo cáo...	- Phản ứng với hiện tượng: Nhận thấy giá trị của các yếu tố trong học tập và làm việc và thể hiện ra ngoài bằng các hành động cụ thể nhằm cải thiện, nâng cao chất lượng	- Chấp nhận giá trị (Valuing): Nhận ra giá trị cao nhất và tạo ra những hệ thống có giá trị nhất so với các giải pháp khác.	- Tổ chức, Ứng xử: Biến những giá trị thực tiễn thành động lực điều chỉnh hành vi.	
			A1	A2	A3	A4	A5

## PHỤ LỤC 2

### TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ (RUBRICS)

#### Rubrics 1. Tiêu chí đánh giá chuyên cần và thái độ

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
<b>Tham gia lớp học</b>	Đi học đầy đủ số buổi theo yêu cầu	Vắng học ~7% so với quy định (1-2 tiết/30tiết)	Vắng học ~14% so với quy định (3-4 tiết)	Vắng học ~20% so với quy định (5-6 tiết)	Vắng học quá 20% số giờ theo quy định	50%
<b>Vào lớp học đúng giờ</b>	Luôn đi học đúng giờ	Vào lớp muộn 1-2 buổi (quá 15 phút)	Vào lớp muộn 3-4 buổi	Vào lớp muộn 5-6 buổi	Vào lớp muộn >6 buổi	20%
<b>Tham gia các hoạt động trên lớp</b> (bài tập tại lớp, thảo luận nhóm, phát biểu, trình bày báo cáo, ...)	Tích cực tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (N được tính 100% hoạt động)	Thường xuyên tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~75%N hoạt động)	Có tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~50%N hoạt động)	Ít tham gia làm bài tập, thảo luận, phát biểu (~25%N hoạt động)	Không tham gia các hoạt động trên lớp	15%
<b>Thực hiện nhiệm vụ tự học</b> (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài), nộp bài tập đúng hạn	Làm đầy đủ 100% bài tập cá nhân (2 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Làm được 50% bài tập cá nhân (1 bài), nộp bài tập không đúng hạn	Không nộp bài tập cá nhân trên hệ thống; bài tập sao chép, đạo văn.	15%

## Rubrics 2. Tiêu chí đánh giá tiểu luận, báo cáo

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
Phần mở đầu	Ngắn gọn, đầy đủ, rõ ràng, chính xác	Rõ ràng, đầy đủ, chính xác	Chính xác	Chưa chính xác	Không có phần mở đầu	10%
Phần lý luận	Ngắn gọn, đầy đủ, có nhiều trích dẫn rõ ràng	Ngắn gọn, đầy đủ, có trích dẫn rõ ràng	Đầy đủ, không có trích dẫn	Chưa đầy đủ, không có trích dẫn	Chép tài liệu nhiều mà không có trích dẫn	25%
Phần thực tiễn	Thực tiễn phong phú, phân tích thuyết phục, chỉ rõ các hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn đầy đủ	Phân tích thuyết phục, chỉ rõ các hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn đầy đủ	Phân tích làm rõ một số hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân, có minh chứng, trích dẫn	Thực tiễn nghèo nàn, phân tích chưa thuyết phục, phân phân tích hạn chế, bất cập, yếu kém và nguyên nhân chưa thuyết phục	Phần thực tiễn viết không có bố cục rõ ràng	30%
Phần kiến nghị	Giải pháp toàn diện, có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn	Giải pháp có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn	Giải pháp chưa có đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, hạn chế về ý nghĩa lý luận và thực tiễn	Giải pháp chưa toàn diện, chưa có cơ sở lý luận và thực tiễn, không có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn	Không có phần giải pháp hoặc giải pháp viết không có bố cục, không rõ ý	25%
Hình thức tiểu luận	Đẹp, rõ ràng, không có lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, không có lỗi chính tả	Đẹp, rõ ràng, vẫn còn lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Cẩu thả, còn nhiều lỗi kỹ thuật và lỗi chính tả	Không theo đúng quy chuẩn mẫu	10%

### Rubrics 3. Tiêu chí đánh giá thuyết trình

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
<b>Nội dung</b>	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung phù hợp và chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có một số phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan và có trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày liên quan nhưng không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	Chủ đề trình bày không liên quan, không trọng tâm. Nội dung có nhiều phần chưa chính xác.	50%
<b>Trình bày</b>	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; màu sắc hài hòa, nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục rõ ràng, hợp lý; nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, ảnh biểu, sơ đồ được trình bày dễ hiểu, thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; nêu bật nội dung. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Slide có bố cục hợp lý; màu sắc hài hòa. Các thuật ngữ, hình ảnh, bảng biểu, sơ đồ thể hiện tốt nội dung.	Slide không được đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.	20%
<b>Trả lời câu hỏi</b> (chuẩn bị bài trước khi đến lớp, làm bài tập về nhà, ...)	Trả lời ngắn gọn, phù hợp, lập luận sắc bén. Tự tin khi trả lời.	Trả lời ngắn gọn, phù hợp. Tự tin khi trả lời.	Trả lời phù hợp. Hơi thiếu tự tin khi trả lời.	Trả lời ít liên quan đến câu hỏi. Thiếu tự tin khi trả lời.	Trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi. Thiếu tự tin khi trả lời.	30%

### Rubrics 4. Tiêu chí đánh giá làm việc nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đánh giá					Trọng số
	A (8.5-10)	B (7.0-8.4)	C (5.5-6.9)	D (4.0-5.4)	F (0-3.9)	
<b>Tổ chức, điều hành, phát triển nhóm</b>	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm rất tốt.	Nhiệm vụ từng thành viên cụ thể, rõ ràng. Tương tác giữa các thành viên trong nhóm tốt.	Nhiệm vụ từng thành viên rõ ràng. Hầu như có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Nhiệm vụ từng thành viên không rõ ràng. Chưa có tương tác giữa các thành viên trong nhóm.	Không có hoạt động nhóm	30%
<b>Thảo luận nhóm</b>	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thường xuyên đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Tích cực, chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Chủ động chia sẻ thông tin và tri thức. Thỉnh thoảng đưa ra ý tưởng rõ ràng, liên quan đến đề tài.	Có đưa ra ý tưởng nhưng không rõ ràng, không liên quan đến yêu cầu của nhóm.	Không thu thập thông tin hay đóng góp ý kiến cho nhóm	40%
<b>Hợp tác nhóm</b>	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Tôn trọng và chấp nhận sự khác biệt của các thành viên, khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, cởi mở, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Tham gia đầy đủ các buổi họp nhóm. Khai thác được sức mạnh của sự khác biệt để đạt mục tiêu chung. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 1 buổi họp nhóm. Xử lý xung đột một cách tích cực, luôn đặt lợi ích chung của nhóm lên trên lợi ích cá nhân.	Vắng 2 - 3 buổi họp nhóm	Không bao giờ tham gia thảo luận trong nhóm.	30%